TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/HSST
Ngày 27/7/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Tuyết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thiện Lợi;
2. Ông Phạm Đức Toàn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2021/HSST ngày 01 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2021/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo: **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 15/8/1985; nơi sinh: tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Ngọc Kh và bà Tống Thị D; vợ: Hoàng Thị T, có 03 con; tiền án: Bản án số 172/2016/HSST ngày 07/12/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Đã chấp hành xong án phạt tù ngày 26/9/2018; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 101/2020/HSST ngày 18/11/2020 Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/4/2020; bị cáo đang chấp hành Bản án số 101/2020/HSST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

* *Bị hại*: Anh Trần Văn H, sinh năm 1980;
Nơi cư trú: Số nhà 244, đường B, tổ 19, pH T, thành phố B, tỉnh Thái Bình.
* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
- Anh Đinh Gia T, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1990;
Đều cư trú tại: Thôn Đ, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.
- Anh Lê Quốc C, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn A, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo, anh T và anh C, vắng mặt anh H và chị Y.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/11/2019, Nguyễn Văn Đ đến nhà anh Trần Văn H thuê xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, biển số đăng ký 17A-012.34 của anh H với mục đích phục vụ việc đi lại của bản thân. Khi thuê xe anh H và Đ có lập và ký hợp đồng thuê xe, thời hạn thuê 01 tháng, từ ngày 05/11/2019 đến 05/12/2019, tiền thuê xe là 13.000.000 đồng/tháng, trả vào đầu tháng. Sau khi ký hợp đồng anh H đã giao xe ô tô, 01 giấy đăng ký xe photo, giấy đăng kiểm và biên lai thu phí bảo trì đường bộ cho Đ. Sau khi nhận xe Đ sử dụng làm phương tiện đi lại. Do trước đó, Đ có nợ anh Đinh Gia T số tiền 230.000.000 đồng và anh T đòi nhiều lần nhưng Đ không có tiền trả. Vì vậy, trong quá trình sử dụng xe, Đ nảy sinh ý định mua giấy tờ xe giả để đem đặt chiếc xe ô tô làm tin vay tiền trả nợ. Đ tìm hiểu qua mạng xã hội, thấy 01 số điện thoại trên mạng nhận bán giấy tờ xe giả, Đ liên hệ với người sử dụng số điện thoại này đặt mua 01 giấy tờ xe ô tô giả, thì được người này hướng dẫn chụp giấy đăng ký xe chuyển vào zalo đăng ký theo số điện thoại trên. Đ làm theo, chụp ảnh giấy đăng ký xe ô tô Chevrolet, biển số 17A-012.34 (bản photo) và gửi vào tài khoản zalo người này. Khoảng 03 ngày sau, thông qua dịch vụ chuyển phát, Đ nhận được 01 giấy tờ đăng ký xe ô tô Chevrolet, biển số đăng ký 17A-012.34 và thanh toán cho người chuyển phát số tiền 3.500.000 đồng.

Sau khi lấy được giấy đăng ký xe giả, Đ liên hệ với Đinh Gia T, nhờ anh T tìm người cho vay tiền, Đ sẽ để chiếc xe lại để làm tin. Đ nói với anh T có ông anh cho mượn chiếc xe anh T không biết cụ thể là ai, cho Đ mượn xe như thế nào, anh T nghĩ việc này Đ tự giải quyết với người cho mượn xe, còn T chỉ nghĩ giúp Đ cắm xe để trả nợ cho T nên anh T nhận lời và gọi điện cho anh Lê Quốc C là người kinh doanh dịch vụ cho vay tài chính, nói: "Có thằng em có chiếc xe ô tô có giấy tờ muốn cắm lấy 200.000.000 đồng", anh C trả lời "không đủ tiền, chỉ có 180.000.000 đồng thôi". Anh T bảo anh C cứ mang đến nhà anh T, thiếu thì anh T bù. Anh C đồng ý, anh T hẹn anh C và Đ cùng đến nhà anh T để xem xe và làm giấy tờ vay tiền.

Khoảng 20 giờ ngày 26/12/2019, tại nhà anh T, Đ và anh C gặp nhau, sau khi xem xe, anh C đồng ý cho Đ vay 180.000.000 đồng với lãi suất 2.000 đồng/triệu/ngày. Đ là người viết giấy vay tiền, trên giấy vay tiền thể hiện: anh C cho Đ vay 200.000.000 đồng, thời hạn từ 26/12/2019 đến 10/02/2020, anh C giữ 01 xe ô tô hiệu Chevrolet, biển số đăng ký 17A-012.34 làm tin. Anh C đưa cho Đ 180.000.000 đồng, sau đó, nhận từ Đ 01 giấy tờ đăng ký xe. Sau khi Đ vay tiền Đ nói sẽ tạm trả anh T 100.000.000 đồng, số tiền còn lại Đ trả anh T sau. Do bực tức việc Đ nợ tiền mình lâu mà không trả, anh T đòi nợ Đ nhiều lần, nay Đ có tiền nhưng không trả hết nợ anh T dùng tay tát vào mặt Đ, nói sẽ gọi Công an đến bắt

Đ. Sau đó Đ và anh T đã thỏa thuận Đ trả toàn bộ số tiền 180.000.000 đồng cho anh T.

Sau khi hết hạn vay tiền theo giấy vay tiền ngày 26/12/2019, đến ngày 10/02/2020, Đ vẫn không có tiền trả cho anh C, Đ đã đến nhà anh C xin gia hạn thời hạn vay tiền. Anh C đồng ý cho Đ gia hạn 01 tháng, và viết giấy vay tiền mới với nội dung: Anh C cho Đ vay 200.000.000 đồng, thời hạn từ 10/02/2020 đến 10/3/2020, đồng thời hủy giấy vay tiền trước đó. Tuy nhiên, sau khi hết hạn vay tiền này, Đ vẫn không có tiền trả anh C. Anh C đã gọi điện đòi nhiều lần nhưng Đ vẫn xin khất nợ, xin gia hạn thời hạn vay tiền. Anh C không đồng ý, anh C gọi điện nói nếu Đ không về thì sẽ bán chiếc xe trên, đã có người hỏi mua xe với giá 280.000.000 đồng. Đ không đồng ý bán xe và bảo anh C giữ xe lại, Đ sẽ tìm cách kiếm tiền trả nhưng thực tế Đ không có tiền trả anh C để lấy lại xe.

Việc Đ làm giấy tờ giả và cắm xe, anh H không biết khi hết hạn thuê xe Đ vẫn xin gia hạn thuê xe 02 lần nữa. Ngày 23/02/2020, Đ điều khiển 01 xe ô tô khác trên địa bàn thành phố Thái Bình thì bị Công an giao thông Công an thành phố phạt vi phạm giao thông, nên Đ tới nhà anh H nhờ anh H xin xe vi phạm. Lúc này, anh H hỏi xe của anh H ở đâu, Đ mới thừa nhận chiếc xe trên Đ đã gửi cho một người tên C ở huyện T làm tin để vay tiền, Đ hứa sẽ lấy lại xe trả cho anh H. Anh H yêu cầu Đ lấy xe ngay về cho anh H. Những ngày sau, anh H liên tục điện thoại cho Đ đòi xe, thì Đ khất lần, hứa hẹn sẽ lấy xe về trả. Khoảng nửa tháng sau, anh H không liên lạc được với Đ nữa. Thông qua tìm hiểu, anh H phát hiện Lê Quốc C là người đang quản lý chiếc xe ô tô của mình. Ngày 20/3/2020, anh H đã đến cơ quan điều tra Công an thành phố để trình báo sự việc, đồng thời giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Chevrolet biển số đăng ký 17A - 027.47.

Ngày 22/3/2020, anh Lê Quốc C đã giao nộp 01 chiếc xe ô tô hiệu Chevrolet biển số đăng ký 17A-012.34, cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.

Kết luận giám định số 69/KLGĐ-PC09, ngày 22/6/2020, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: "*Mẫu in Chứng nhận đăng ký xe ô tô gửi giám định do anh Trần Văn H giao nộp ngày 20/3/2020 là thật; Mẫu in Chứng nhận đăng ký xe ô tô gửi giám định do anh Lê Quốc C giao nộp ngày 22/3/2020 là giả*".

Bản Kết luận định giá tài sản số 21/KLĐG-HĐĐG ngày 09/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: *Chiếc xe ô tô Chevrolet trị giá 210.000.000 đồng.*

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu.

Bản cáo trạng số 78/CT-VKSTPTB ngày 30 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự) và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù

- Áp dụng khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị: Xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội danh, xử phạt bị cáo từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án 101/2020/HSST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, xử phạt bị cáo từ 18 năm đến 19 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/4/2020.

Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

* Về xử lý vật chứng: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe giả do anh Lê Quốc C giao nộp là chứng cứ của vụ án, lưu theo hồ sơ vụ án.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn H đã nhận lại chiếc xe ô tô biển số 17A 027-47 và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì nên không đặt ra giải quyết. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đinh Gia T nhận trách nhiệm trả cho anh Lê Quốc C số tiền 180.000.000đồng. Số tiền 50.000.000 đồng bị cáo còn nợ anh Đinh Gia T không liên quan đến vụ án nên không đặt ra giải quyết.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Đ không bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Anh T và anh C đều không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục nên là các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và được chứng minh bằng:

- Đơn trình báo, Biên bản ghi lời khai của bị hại.
- Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Biên bản đối chất giữa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Kết luận giám định số 69/KLGĐ-PC09 ngày 22/6/2020.
- Bản Kết luận định giá tài sản số 21/KLĐG-HĐĐG ngày 09/6/2020.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 05/11/2019, Nguyễn Văn Đ thuê 01 xe ô tô hiệu Chevrolet biển số đăng ký 17A – 027.47 trị giá 210.000.000 đồng của anh Trần Văn H với mục đích sử dụng vào việc đi lại. Trong quá trình sử dụng do không có tiền để trả nợ nên Đ đã cung cấp thông tin đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô rồi sử dụng giấy tờ giả, đem đặt xe ô tô làm tin vay anh Lê Quốc C số tiền 180.000.000 đồng đem trả nợ. Sau đó, anh H đã phát hiện hành vi của Đ, nhiều lần yêu cầu Đ trả xe, nhưng Đ không có khả năng lấy lại chiếc xe để trả cho anh Trần Văn H.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự) và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Điều 175. Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

…

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

...

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

...

Điều 341: Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu, giấy tờ đó thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng;

...

[3] Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. Bị cáo Đ có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sức khỏe tốt, có đủ điều kiện nuôi sống bản thân nhưng vì bản chất lười lao động nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Vì mục đích tạo lòng tin đối với người khác để vay tiền, bị cáo nhờ người (không rõ lai lịch) để làm giả giấy đăng ký xe ô tô, cầm cố tài sản không thuộc quyền sở hữu của mình, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với cả 02 tội danh. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bố đẻ bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Bị cáo đang chấp hành án tại Bản án số 101/2020/HSST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai Bản án.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Trần Văn H đã nhận lại chiếc xe ô tô biển số 17A 027-47 và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì nên không đặt ra giải quyết.

- Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Đinh Gia T và Lê Quốc C: Anh Đinh Gia T có trách nhiệm trả cho anh Lê Quốc C số tiền 180.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Văn Đ vay của anh Lê Quốc C. Anh Đinh Gia T đã trả cho anh Lê Quốc C số tiền 93.000.000 đồng số tiền còn lại 87.000.000 đồng, anh Đinh Gia T nhận trách nhiệm trả cho anh Lê Quốc C sau.

- Tại phiên tòa anh Đinh Gia T yêu cầu bị cáo phải trả cho anh T số tiền 50.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu của anh T không liên quan đến vụ án. Tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe giả do anh Lê Quốc C giao nộp là chứng cứ của vụ án lưu theo hồ sơ vụ án.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với anh Đinh Gia T được Đ nhờ tìm chỗ cắm xe, bản thân anh T không biết nguồn gốc chiếc xe trên là do Đ thuê mà có, nên không có căn cứ để xử lý. Ngày 26/12/2019, tại nhà anh T, do bực tức việc Đ nợ tiền lâu không trả anh T, đến khi có tiền cũng không có ý định trả nên T bực tức, dùng tay đấm vào vùng mặt Đ. Như vậy mục đích đấm Đ của anh T không nhằm chiếm đoạt tài sản, hành vi không cấu thành tội Cướp tài sản và cũng không gây thương tích gì cho Đ.

- Đối với anh Lê Quốc C, ngày 26/12/2019 anh C cho bị cáo vay 180.000.000 đồng với mức lãi 2.000 đồng/triệu/ngày, nhưng thực tế bị cáo chưa trả cho anh C được khoản tiền nào. Anh C không biết việc Đ thuê xe của anh Trần Văn H rồi sử dụng giấy tờ chứng nhận đăng ký xe giả để đưa cho anh. Anh C có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoạt động cho thuê tài chính. Do vậy, cơ quan Điều tra không có căn cứ để xử lý với Lê Quốc C.

- Trong quá trình điều tra còn xác định, trong năm 2019 bị cáo còn mượn 01 chiếc xe ô tô của một người nam giới ở thành phố H, đem cầm cố cho anh Đinh Gia T, đồng thời mượn 01 xe ô tô của anh Đinh Gia T đem cầm cố cho một người ở huyện T, tỉnh Thái Bình. Tuy nhiên, ngoài lời khai của anh T và bị cáo, không có tài liệu khác chứng minh. Cơ quan Điều tra không xác định được 02 chiếc xe trên và chủ sở hữu của xe hiện đang ở đâu, không tìm được người mà bị cáo cầm cố xe ở T. Do vậy, cơ quan Điều tra không có căn cứ để xử lý.

- Đối với người làm giả giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô cho bị cáo, bị cáo chỉ liên lạc qua số điện thoại tìm được trên mạng, bị cáo không biết người đó là ai và không nhớ số điện thoại của người làm giả giấy tờ. Do vậy, cơ quan Điều tra không có căn cứ để xử lý.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội *"*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*"* và tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo 06 (sáu) năm tù.

- Áp dụng khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội danh, xử phạt bị cáo 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của Bản án 101/2020/HSST ngày 18/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai Bản án là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/4/2020.

3. Trách nhiệm dân sự:

- Anh Trần Văn H đã nhận lại chiếc xe ô tô biển số 17A 027-47 và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền gì nên không đặt ra giải quyết.

- Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Đinh Gia T và Lê Quốc C: Anh Đinh Gia T có trách nhiệm trả cho anh Lê Quốc C số tiền 180.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Văn Đ vay của anh Lê Quốc C. Anh Đinh Gia T đã trả cho anh Lê Quốc C số tiền 93.000.000 đồng số tiền còn lại 87.000.000 đồng, anh Đinh Gia T nhận trách nhiệm trả cho anh Lê Quốc C sau.

4. Án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/7/2021. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Tuyết

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Tòa án ND tỉnh TB;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND TP Thái Bình;*
- *Cơ quan CSĐT Công an TP Thái Bình;*
- *Cơ quan THAHS Công an TP Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP Thái Bình;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*